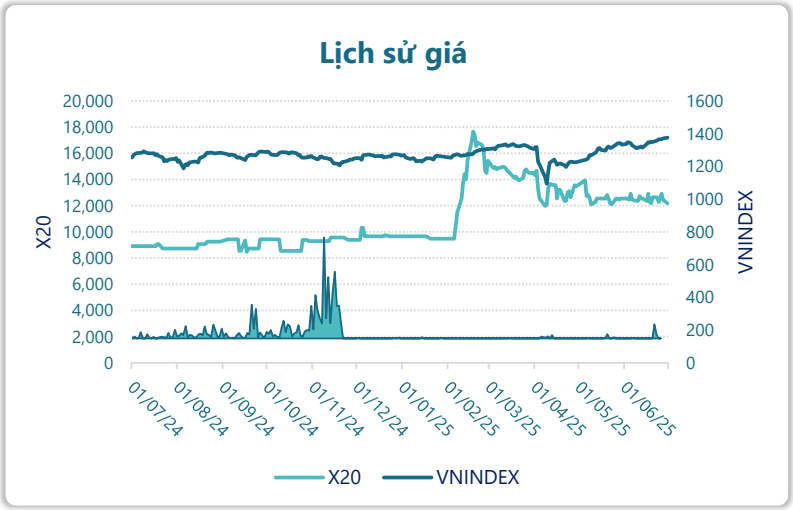
FireAnt

CTCP X20 (HNX: X20)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,662
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,465
SL cổ phiếu LH	17,250,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,265
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	226
P/E	6.4
EPS	2,040

DT thuần

Q2/25

171

tỷ VNĐ

QoQ: ▼85.0| -33.0%

YoY: ▲ 39.0| 29.9%

LN sau thuế

Q2/25

6.07

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.09| -33.7%

YoY: ▲ 2.58| 74.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

4.7%

+/- YoY: ▲ 1.4%

DT thuần

6T 2025

428

tỷ VNĐ

YoY: ▼72.0| -14.4%

LN sau thuế

6T 2025

15.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.40| 29.5%

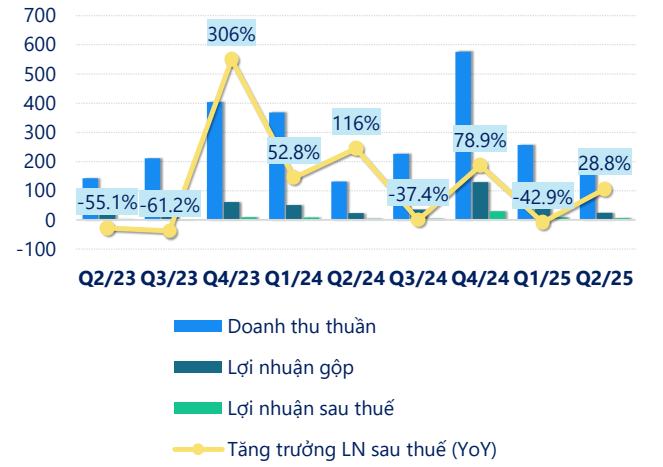
ROE

Q2/25

12.9%

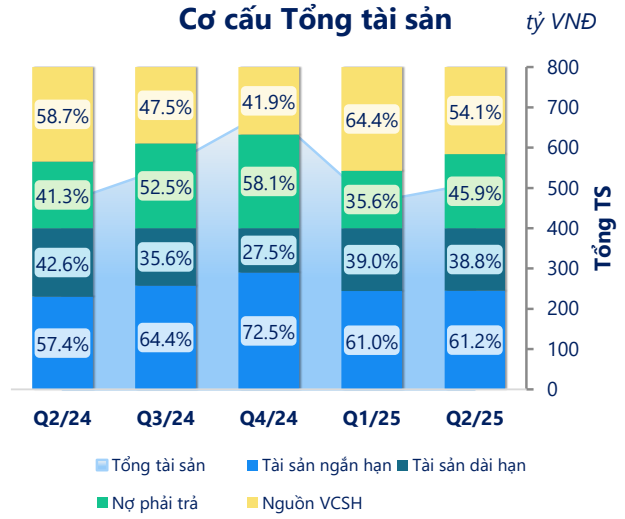
+/- YoY: ▲ 5.3%

Kết quả kinh doanh



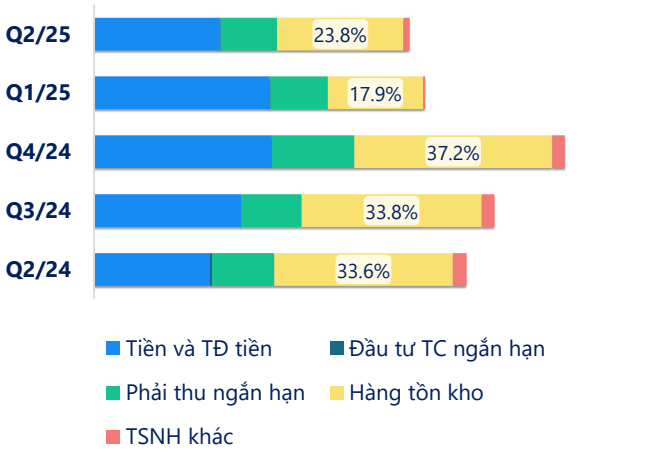
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



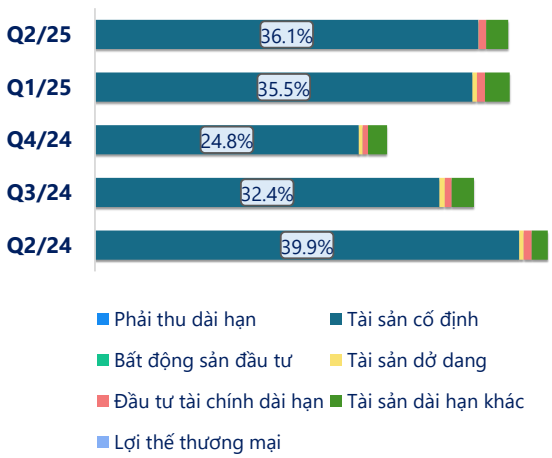
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



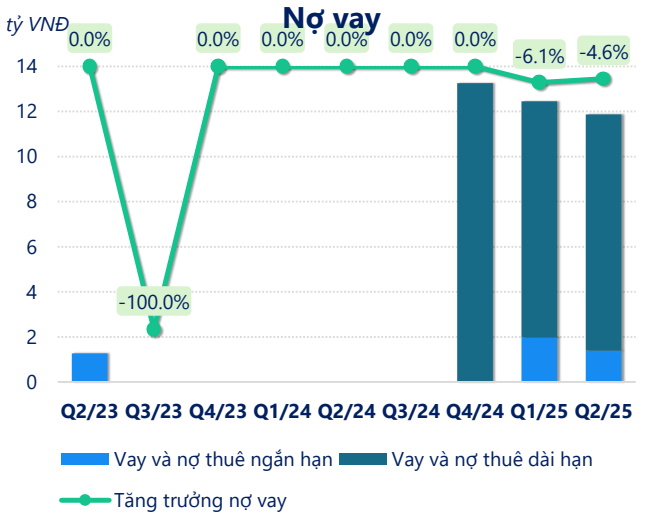
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



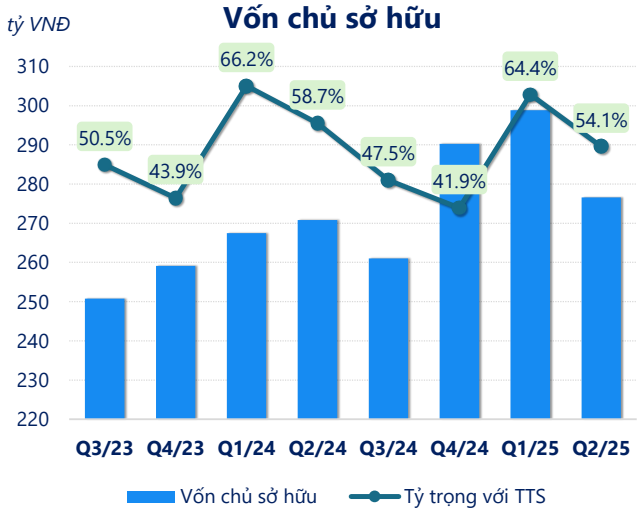
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



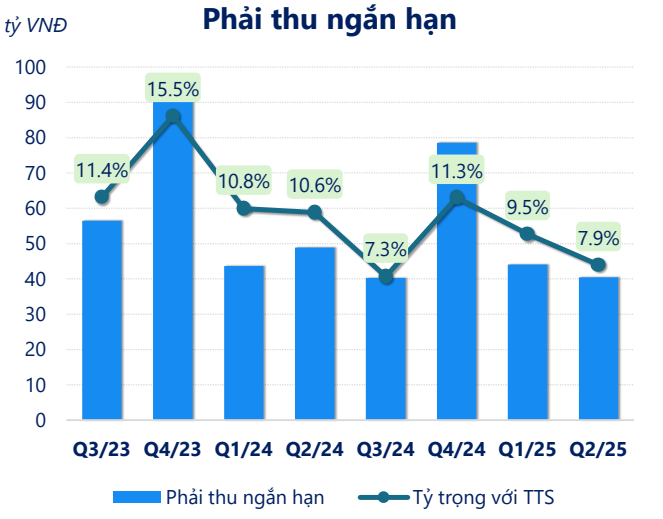
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



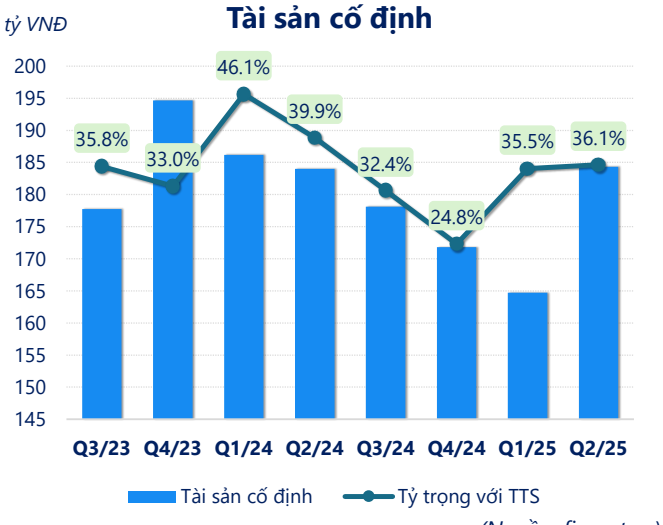
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



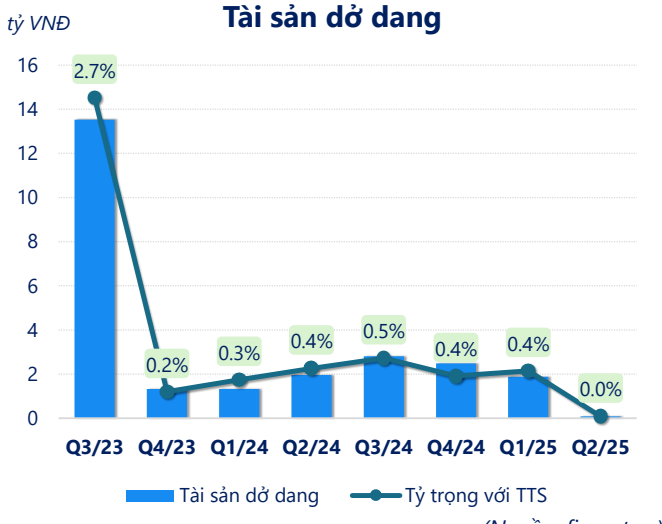
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



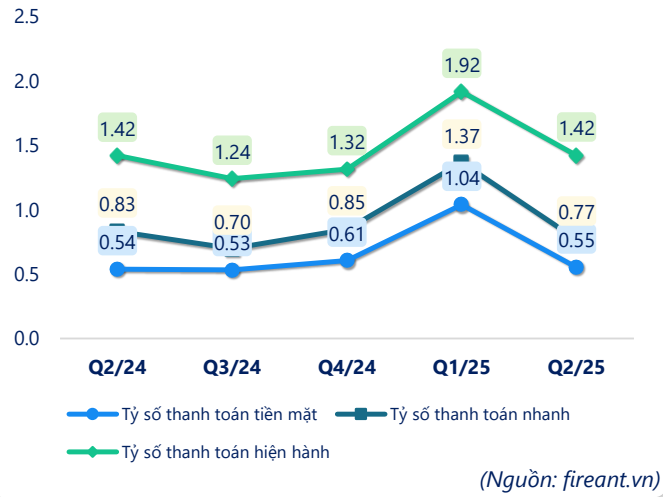
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



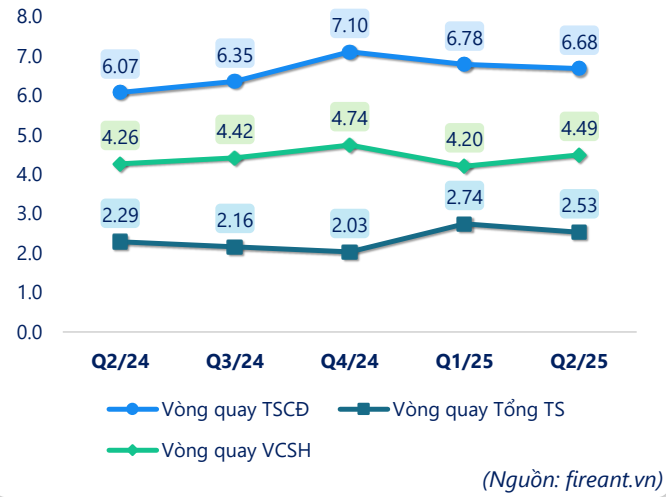
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**461**	**550**	**692**	**464**	**511**
Tài sản ngắn hạn	**265**	**354**	**502**	**283**	**313**
Tiền và tương đương tiền	101	152	231	153	121
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.30	0.30	0.40	0.40	0.40
Phải thu ngắn hạn	48.8	40.3	78.5	44.1	40.5
Hàng tồn kho	110	155	178	81.2	143
Tài sản ngắn hạn khác	5.44	6.83	14.0	3.90	6.86
Tài sản dài hạn	**196**	**196**	**190**	**181**	**199**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	184	178	172	165	184
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.96	2.81	2.49	1.87	0.08
Đầu tư tài chính dài hạn	3.47	3.47	3.47	3.61	3.65
Tài sản dài hạn khác	6.95	11.6	12.4	10.7	10.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**190**	**289**	**402**	**165**	**235**
Nợ ngắn hạn	**187**	**285**	**382**	**148**	**220**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	1.96	1.39
Phải trả người bán ngắn hạn	75.9	85.5	189	47.3	88.4
Nợ dài hạn	3.85	3.78	20.4	17.4	14.7
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	13.3	10.5	10.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	**271**	**261**	**290**	**299**	**277**
Vốn chủ sở hữu	**271**	**261**	**290**	**299**	**277**
Vốn điều lệ	173	173	173	173	173
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)